

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22 /TB-KSBT  
V/v Mời chào giá trang thiết bị y tế

Thái Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các đơn vị/ các Công ty sản xuất, kinh doanh, phân phối.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Hội đồng mua sắm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình. Số điện thoại: 02273.640.026, email: [hdms.cdctb@gmail.com](mailto:hdms.cdctb@gmail.com).
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
  - Đồng thời nhận qua email: [hdms.cdctb@gmail.com](mailto:hdms.cdctb@gmail.com).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá:
  - Từ 08h ngày 25/3/2025 đến trước 17h ngày 03/4/2025.
  - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá:
  - Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03/4/2025.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục các mặt hàng mời chào giá: (đính kèm tại phụ lục 1)
- Địa điểm cung cấp: Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình, chi phí, lệ phí khác.
- Thời gian giao hàng dự kiến: năm 2025
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hai bên thương thảo thống nhất thực hiện hợp đồng.
- Các thông tin khác (nếu có): Không

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình kính mời đại diện các đơn vị gửi bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c GD; các PGĐ;
- Lưu: VT, HDMS.



Nguyễn Văn Đức



**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA**

(Kèm theo thông báo số 22 /TB-KSBT ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình)



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
1.	Máy Laser CO <sub>2</sub>	Cái	1	<p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái</li> <li>- Trục khuỷ 7 đoạn : 01 cái</li> <li>- Công tắc đạp chân : 01 cái</li> <li>- Đầu phát laser 50mm : 01 cái</li> <li>- Đầu phát laser 100mm : 01 cái</li> <li>- Kính bảo vệ bệnh nhân : 01 cái</li> <li>- Kính bảo vệ kỹ thuật viên : 01 cái</li> <li>- Máy hút khói: 01 cái</li> <li>- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/ Việt : 01 bộ</li> <li>- Bộ máy vi tính, màn hình, máy in: 01 bộ</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng cho điều trị: Da liễu, Phẫu thuật thẩm mỹ, Phẫu thuật tổng quát, Điều trị bàn chân, Tai mũi họng, Phụ khoa, Phẫu thuật thần kinh</li> <li>- Ứng dụng cho điều trị da liễu, thẩm mỹ gồm: các vết đốm, vết bớt, tàn nhang, nám, nốt ruồi, mụn cóc, nếp nhăn nhỏ, lỗ chân long, đốm đen.</li> <li>- Sử dụng công nghệ laser CO2</li> <li>- Màn hình loại LCD hiển thị được các thông số của máy và cảnh báo khi máy gặp sự cố</li> <li>- Công suất tối đa: <math>\geq 30W</math></li> <li>- Có <math>\geq 02</math> chế độ phẫu thuật khác nhau cho làm thủ thuật</li> </ul> <p><b>Chùm tia điều trị:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại laser: carbon dioxide kín, ống thủy tinh</li> <li>- Trung bình: khí CO2</li> <li>- Bước sóng: <math>\geq 10 \mu m</math></li> <li>- Kích thước chùm tia: Được kiểm soát bởi thiết bị phân phối</li> </ul> <p><b>Chế độ sóng liên tục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: từ 1 đến <math>\geq 30W</math></li> <li>- Độ chính xác đầu ra (thời gian bật): từ 0.1 đến <math>\leq 2.5</math> giây</li> <li>- Độ chính xác đầu ra (thời gian tắt) : từ 0.1 đến <math>\leq 2.5</math> giây</li> </ul>





TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<p>- Kích thước điem: 50mm: 0.6mm, 100mm: 1.0mm</p> <p><b>Chế độ siêu xung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần số: từ 10 đến <math>\geq 1.000\text{Hz}</math></li> <li>- Khoảng thời gian: từ 100 đến <math>\geq 2.000 \mu s</math></li> <li>- Tia laser Diode nhắm mục tiêu khoảng 650mm (Có thể điều chỉnh ánh sáng)</li> <li>- Độ chính xác đầu ra (thời gian bật): <math>\leq 0.5</math> giây</li> <li>- Độ chính xác đầu ra (thời gian tắt) : <math>\leq 0.5</math> giây</li> </ul> <p>- Kích thước điem: 50mm: 0.6mm, 100mm: 1.0mm</p> <p><b>Chùm tia ngắ (Điều chỉnh ánh sáng):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất lớn nhất: <math>\leq 3\text{mW}</math></li> <li>- Bước sóng: <math>\geq 650\text{nm}</math></li> <li>- Làm mát: làm mát bằng nước</li> </ul> <p><b>Chế độ hoạt động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát xung liên tục có thể điều chỉnh các thông số</li> <li>- Rhintis: công suất từ 1 đến <math>\geq 3\text{W}</math></li> <li>- Stetor: <math>\geq 7\text{W}</math></li> <li>- Faimousis: <math>\geq 8\text{W}</math></li> <li>- Trĩ: <math>\geq 10\text{W}</math></li> <li>- Chế độ siêu xung có thể điều chỉnh các chương trình: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đốm, vết bớt: độ rộng xung khoảng từ 300 - 400 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng từ 50 - 100 (Hz)</li> <li>+ Tàn nhang, nám: độ rộng xung khoảng từ 200 - 300 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng từ 50 - 100 (Hz)</li> <li>+ Nốt ruồi, mụn cóc: độ rộng xung khoảng 300 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng 100 (Hz)</li> <li>+ Nếp nhăn nhỏ: độ rộng xung khoảng 100 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng 200 (Hz)</li> <li>+ Lỗ chân lông: độ rộng xung khoảng 200 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng 200 (Hz)</li> <li>+ Đốm đen, vết đốm: độ rộng xung khoảng 200 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng 100 (Hz)</li> <li>+ Corn: độ rộng xung khoảng 300 (<math>\mu s</math>), tần số khoảng 100 (Hz)</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Máy hút khói phẫu thuật:</b></p>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hút khói và hút mùi trong quá trình phẫu thuật</li> <li>- Áp lực hút tối đa: <math>\geq 2700\text{LPM}</math></li> <li>- Áp lực tĩnh tối đa: <math>\geq 250\text{mbar}</math></li> <li>- Loại bộ lọc : ULPA hoặc tương đương</li> <li>- Hiệu quả lọc: <math>\geq 99\%</math></li> <li>- Đường kính hạt: <math>\leq 0.3\text{ micron}</math></li> </ul> <p><b>Yêu cầu khác</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tuy nhiên tối thiểu không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu</li> <li>- Cung cấp chứng chỉ xuất xứ ( CO), chứng chỉ chất lượng ( CQ) kèm theo khi bàn giao thiết bị</li> <li>- Bộ máy tính: bộ vi xử lý core i5 thế hệ thứ 10 trở lên, ổ cứng SSD <math>\geq 500\text{ GB}</math>, RAM <math>\geq 8\text{GB}</math></li> <li>- Màn hình: Full HD <math>\geq 24\text{ inch}</math>, độ phân giải <math>\geq 1920 \times 1080\text{ pixel}</math></li> <li>- Máy in: In hai mặt tự động; Độ phân giải: <math>\geq 600 \times 600\text{ dpi}</math></li> </ul>
2.	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	<p><b>Yêu cầu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau.</li> <li>- Tương thích với nguồn điện 220V, 50/60Hz.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul> <p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chính: 01 cái</li> <li>- Giấy in nhiệt: 01 cuộn;</li> <li>- Cáp điện tim: 01 chiếc;</li> <li>- Dây nguồn: 01 cái;</li> <li>- Điện cực trước ngực: 06 cái;</li> <li>- Điện cực chi: 04 cái;</li> <li>- Ấc quy: 01 chiếc</li> <li>- Xe để máy điện tim: 01 cái</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thu tín hiệu điện tim:</li> <li>- Mạch vào: Được cách ly và bảo vệ để tránh sốc điện tim;</li> <li>- Đạo trình ECG: 12 đạo trình</li> <li>- Độ nhạy: <math>\leq 10\text{mm/mv} \pm 2\%</math></li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện trở vào: <math>\geq 20M\Omega</math></li> <li>- Hệ số lọc nhiễu: <math>\geq 100dB</math></li> <li>- Điện áp bù: <math>\geq \pm 500mV</math></li> <li>- Tần số đáp ứng: <math>\leq 0,05Hz</math> đến <math>150 Hz (-3dB)</math></li> <li>- Kiểm tra điện cực</li> <li>- Thời gian thu tín hiệu điện tim khi ghi tự động: <math>\leq 10 - 24s</math></li> <li>* Xử lý tín hiệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ lấy mẫu phân tích: <math>\geq 500</math> mẫu/giây</li> <li>- Tốc độ thu thập mẫu: <math>\geq 8000</math> mẫu/giây</li> <li>- Bộ lọc nhiễu xoay chiều: <math>50/60Hz</math></li> <li>- Hằng số thời gian: <math>\leq 3,2s</math></li> <li>- Bộ lọc cao tần: <math>\geq 75, 100, 150 Hz</math></li> <li>- Bộ lọc nhiễu điện cơ: <math>\geq 25, 35 Hz</math></li> <li>- Điện thế phát hiện nhỏ nhất: <math>\leq 20mVp-p</math></li> </ul> </li> <li>* Hiện thị: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện thị trên màn hình tinh thể lỏng.</li> <li>- Cỡ màn hình: <math>\geq 5,0</math> inch</li> <li>- Hiện thị thông số: 12 đạo trình sóng điện tim, thông tin bệnh nhân, đặt chế độ ghi, mã hoạt động, tần số tim, phức hợp QRS, đánh dấu CAL, Báo lỗi, tiếp xúc điện cực, độ nhiễu</li> <li>- Dạng sóng ECG: 12 đạo trình</li> </ul> </li> <li>* Ghi: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý in: Đầu in nhiệt có độ phân giải cao.</li> <li>- Mật độ in: <math>\geq 200</math> dpi</li> <li>- Khổ giấy <math>\geq 110</math> mm</li> <li>- Số kênh: 3, 4, 6</li> <li>- Tốc độ giấy: 10, 12,5, 25, 50 mm/s</li> <li>- Số đường ghi: <math>\geq 26</math></li> <li>- Độ nhạy: 5, 10, 20mm/mV</li> <li>- Thông số ghi: Loại chương trình ghi, ngày tháng năm, giờ phút, tốc độ giấy, độ nhạy, đánh dấu tên đạo trình, Bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân, đánh dấu thời gian, đánh dấu kết quả phân tích, báo tuột điện cực, độ nhiễu</li> </ul> </li> <li>* Phân tích điện tim: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuổi bệnh nhân phân tích: <math>\geq 3</math> tuổi đến người lớn.</li> </ul> </li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian phân tích: <math>\leq 5</math> giây.</li> <li>- Mục tìm ra kết quả điện tim: <math>\geq 200</math></li> <li>* Xe để máy điện tim chuyên dùng để máy điện tim, kết hợp dùng để máy monitor:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Inox 304 hoặc tương đương;</li> <li>+ Khung xe điện tim được uốn hình chữ X</li> <li>+ Bề mặt của xe để máy điện tim được gập liền cứng</li> <li>+ Tầng trên có lan can quay xung quanh để đảm bảo cho việc để máy điện tim không bị rơi.</li> </ul> </li> </ul>
3.	Tủ an toàn sinh học (cấp III)	Cái	1	<p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân tủ chính bao gồm các phụ kiện tiêu chuẩn: Đèn chiếu sáng, đèn UV, đôi găng tay, buồng chuyên mẫu và cổ xả gắn liền tủ : 01 cái</li> <li>- Quạt hút : 01 cái</li> <li>- Ổ cắm điện EO-HD : 02 cái</li> <li>- Bộ máy vi tính, màn hình, máy in: 01 bộ</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tủ an toàn sinh học cấp III được thiết kế với mức độ an toàn tuyệt đối. Với đầy đủ các chức năng bảo vệ mẫu vật, người sử dụng và môi trường.</li> <li>- Việc thao tác được thực hiện thông qua các găng tay phía trước tủ, găng tay làm bằng vật liệu cao su tổng hợp, được kiểm tra riêng từng chiếc đảm bảo khả năng bảo vệ tối đa.</li> <li>- Thiết bị đạt tiêu chuẩn EN 12469 của châu Âu về tủ an toàn sinh học.</li> <li>- Chất lượng khí: ISO 14644.1 class3, tiêu chuẩn toàn cầu ; IEST-G-CC1001, tiêu chuẩn Mỹ; IEST-G-CC1002, tiêu chuẩn Mỹ.</li> <li>- Chất lượng màng lọc: IEST-RP-CC034.1, IEST-RP-CC007.1, IEST-RP-CC001.3, tiêu chuẩn toàn cầu; EN 1822 (H14), tiêu chuẩn Châu Âu.</li> <li>- An toàn điện: IEC 61010-1, tiêu chuẩn toàn cầu; EN 61010-1, tiêu chuẩn Châu Âu; UL 61010-1, tiêu chuẩn Mỹ; CAN/CSA-22.2, No. 61010-1, tiêu chuẩn Canada.</li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ điều khiển vi xử lý Esco Sentinel<sup>TM</sup> hiển thị tất cả thông tin an toàn trên một màn hình duy nhất, được đặt ở giữa và chếch xuống dưới để dễ dàng theo dõi và thao tác, vận hành nhanh chóng với chế độ Khởi động nhanh, cung cấp cảnh báo dòng khí bằng hình ảnh/ âm thanh.</li> <li>- Không khí qua vùng làm việc thoát ra được lọc 2 lần qua hệ thống lọc chất lượng cao ULPA với hiệu suất đạt <math>\geq 99\%</math> đối với các hạt có kích thước từ 0.1 đến 0.3<math>\mu\text{m}</math> và hạt thường gặp - MPPS, tốt hơn màng lọc HEPA thông thường.</li> <li>- Thiết bị đo áp suất model Magnehelic được gắn phía sau vùng làm việc cho phép theo dõi liên tục áp suất âm của vùng làm việc.</li> <li>- Thiết kế kèm theo hộp trung chuyển có khóa cửa tự động cho phép trung chuyển mẫu vật và dụng cụ thí nghiệm mà không làm ảnh hưởng môi trường làm việc phía trong tủ.</li> <li>- Bề mặt tủ được phủ lớp sơn kháng khuẩn ISOCIDET<sup>TM</sup> giúp hạn chế tối đa nhiễm bẩn.</li> <li>- Tủ hoạt động ở áp suất âm tránh cho môi trường ngoài bị nhiễm khuẩn từ mẫu vật thao tác.</li> <li>- Không gian vùng làm việc: <math>\geq 0.63 \text{ m}^2</math>.</li> <li>- Số cổng găng tay: 02.</li> <li>- Kích cỡ găng tay: Size 8 (inch).</li> <li>- Thể tích không khí lưu thông: 603 m<sup>3</sup>/h.</li> <li>- Áp suất âm yêu cầu tối thiểu: -200 Pa.</li> <li>- Áp suất âm yêu cầu thông thường: -275 Pa.</li> <li>- Màng tiền lọc bằng sợi polyester dùng một lần và không rửa được với khả năng bắt giữ 85%.</li> <li>- Bộ lọc ULPA với hiệu suất lọc <math>\geq 99\%</math> với các hạt có kích cỡ 0.1 – 0.3<math>\mu\text{m}</math> và MPPS.</li> <li>- Độ ồn <math>\leq 58\text{dBA}</math> (Theo tiêu chuẩn EN 12469).</li> <li>- Quạt hút đảm bảo lưu lượng khí xả của tủ hoạt động bình thường.</li> <li>- Cỗ xả có kích thước <math>\geq 250\text{mm}</math>.</li> <li>- Đèn huỳnh quang với cường độ ánh sáng <math>\geq</math></li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<p>800 Lux.</p> <p>- Nguồn điện: Từ 220-240V/1 pha/50Hz, công suất 361W.</p> <p><b>Yêu cầu thêm:</b></p> <p>- Máy mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO 9001 và 13485 hoặc tương đương.</p> <p>- Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tuy nhiên tối thiểu không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.</p> <p>- Thiết bị được hiệu chuẩn sau khi bàn giao, lắp đặt. Định kỳ thực hiện bảo dưỡng, bảo trì trong thời gian bảo hành tối thiểu 06 tháng/1 lần.</p> <p>- Nguồn điện: 220 V, 50/60 Hz.</p> <p>- Bộ máy tính: bộ vi xử lý core i5 thế hệ thứ 10 trở lên, ổ cứng SSD <math>\geq 500</math> GB, RAM <math>\geq 8</math>GB</p> <p>- Màn hình: Full HD <math>\geq 24</math> inch, độ phân giải <math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel</p> <p>- Máy in: In hai mặt tự động; Độ phân giải: <math>\geq 600 \times 600</math> dpi</p>
4.	Nồi hấp 200 lít	Cái	1	<p><b>Cấu hình:</b></p> <p>- Máy chính kèm bộ tạo hơi : 01 Chiếc</p> <p>- Phụ kiện tiêu chuẩn : 01 bộ</p> <p>- Khay đựng mẫu tiệt trùng: 01 bộ</p> <p>- Cầu dao nguồn điện 3 pha : 01 bộ</p> <p>- Tài liệu HDSD : 01 bộ</p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <p>- Đạt chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001, CE</p> <p>- Dung tích: 200 lít</p> <p>- Áp suất thiết kế: -0.1 - 0.25Mpa</p> <p>- Áp suất làm việc: <math>\geq 0.225</math>Mpa</p> <p>- Áp suất chân không: <math>\geq -0.086</math>Mpa</p> <p>- Áp suất nước: 0.1 - 0.2Mpa</p> <p>- Áp suất hơi bên ngoài: 0.3 - 0.7Mpa</p> <p>- Nhiệt độ thiết kế: <math>\geq 139^\circ\text{C}</math></p> <p>- Khoáng nhiệt độ làm việc: 105 - 136<math>^\circ\text{C}</math></p> <p>- Sai số nhiệt độ: 2<math>^\circ\text{C}</math></p> <p>- Áp suất khí nén: 0.4 - 0.7Mpa</p>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất máy chính: <math>\leq 2</math> kW</li> <li>- Nguồn điện: 3 pha, AC 380V, 50Hz</li> <li>- Tiêu thụ hơi: <math>\leq 15</math> kg</li> <li>- Tiêu thụ nước: <math>\leq 190</math> kg</li> <li>- Công suất kèm bộ tạo hơi: 2 + 15 kw</li> <li>- Khoang bên trong hình trụ nằm ngang + cấu trúc vỏ giữ nhiệt;</li> <li>- Cấu trúc cửa khóa điện</li> <li>- Được trang bị giao diện xác minh thiết bị tiêu chuẩn;</li> <li>- Hệ thống đường ống thiết kế tối ưu. đường ống SUS304, cơ cấu kẹp, lắp ráp nhanh;</li> <li>- Hệ thống điều khiển: giao diện giao tiếp HMI. màn hình cảm ứng + điều khiển vi tính;</li> <li>- Nhiều cơ chế bảo vệ an toàn (bảo vệ quá nhiệt, quá áp)</li> </ul> <p><b>Yêu cầu khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất: 2024 trở đi</li> <li>- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) và các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam</li> <li>- Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tuy nhiên tối thiểu không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu</li> </ul>
5.	Đèn gù	Cái	5	<p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn đèn: 1 chiếc</li> <li>- Chân có thể di chuyển: 1 bộ</li> <li>- Chân cố định: 1 bộ</li> <li>- Đèn hỗ trợ: 1 chiếc</li> <li>- Dây điện nguồn: 1 chiếc</li> <li>- Bóng 24V, 25W: 1 chiếc</li> <li>- Hướng dẫn sử dụng: 1 quyển</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <p>Đèn bao gồm 4 bộ phận chính: đèn, chân di chuyển, chân cố định và đỡ đèn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân di chuyển được làm bằng thép ống không rỉ hoặc thép tấm, đường kính 19mm, có thể điều chỉnh thay đổi độ cao.</li> <li>- Chân cố định gắn trực tiếp với đế bởi thép ống, đường kính <math>\geq 25</math>mm</li> <li>- Đỡ đèn được làm bằng thép tấm sơn tĩnh</li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<p>điện hoặc nhựa PP. Công nghệ Crom III được sử dụng trước khi sơn tĩnh điện, đảm bảo chất lượng và độ bền của lớp sơn và bảo vệ môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn có thể điều chỉnh ở các độ cao khác nhau từ 1000mm - 1600mm</li> <li>- Bóng đèn hình cầu nên có thể điều chỉnh sang trái, phải 90 độ, phía trước, phía sau 90 độ.</li> <li>- Cường độ chiếu sáng khoảng 12000 Lux ở khoảng cách 100cm.</li> <li>- Công tắc đạp chân được lắp ở đế đèn.</li> <li>- Toàn bộ đèn được sơn màu trắng.</li> <li>- Nguồn điện: 220V, 50Hz</li> <li>- Đầu ra: 25W</li> <li>- Bóng đèn: 24V, 25W.</li> </ul>
6.	Tủ âm	Cái	2	<p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái.</li> <li>+ Khay chứa: 02 cái.</li> <li>+ Dây nguồn: 01 cái.</li> <li>+ Sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 bộ.</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích: <math>\geq 108</math> lít.</li> <li>- Số khay cung cấp: 2.</li> <li>- Số gờ để khay tối đa: 5.</li> <li>- Khoảng nhiệt độ hoạt động: Tối thiểu 50C trên nhiệt độ môi trường đến 800C.</li> <li>- Độ phân giải giá trị cài đặt: 0.10C.</li> <li>- Sử dụng đầu dò nhiệt độ Pt100 DIN Class A.</li> <li>- Cài đặt ngôn ngữ trên bảng điều khiển ControlCOCKPIT: Đức, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ba Lan, Czech, Hungary.</li> <li>- Bảng điều khiển ControlCOCKPIT: một màn hình hiển thị. Bộ điều khiển vi xử lý PID đa chức năng với màn hình màu TFT độ phân giải cao.</li> <li>- Bộ đếm ngược cho thời gian cài đặt có thể điều chỉnh từ 1 phút đến 99 ngày.</li> <li>- Chức năng setpointWAIT: Thời gian được kích hoạt khi nhiệt độ đạt đến nhiệt độ cài đặt.</li> <li>- Hiệu chuẩn: Có thể lựa chọn tự do 3 giá trị</li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<p>nhiệt độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh các thông số: Nhiệt độ (0C hoặc 0F), vị trí cửa đối lưu khí, chương trình thời gian, mùi giờ.</li> <li>- Đối lưu không khí tự nhiên.</li> <li>- Điều chỉnh hỗn hợp không khí tiền gia nhiệt bằng cách điều chỉnh nắp lấy khí 10%.</li> <li>- Chương trình được lưu trữ trong trường hợp mất điện.</li> <li>- Kiểm soát nhiệt: Kiểm soát quá nhiệt bằng điện tử và bộ giới hạn nhiệt độ dạng cơ TB, cấp bảo vệ class 1 theo tiêu chuẩn DIN 12 880 tự ngắt khi nhiệt độ vượt quá khoảng 200C trên nhiệt độ cài đặt.</li> <li>- Tự chẩn đoán để phân tích lỗi.</li> <li>- Cổng kết nối qua mạng Ethernet.</li> <li>- Cửa bằng thép không gỉ cách nhiệt hoàn toàn với 2 điểm khóa, cửa trong bằng kính.</li> <li>- Cấu trúc lớp vỏ bằng thép không gỉ, chống trầy, cứng và bền, phía sau bằng thép mạ kẽm.</li> <li>- Bộ nhớ trong có khả năng lưu trữ ít nhất 10 năm.</li> <li>- Đạt 100% độ an toàn cho không khí (100% AtmoSAFE).</li> <li>- Công suất tiêu thụ: Khoảng 1400 W</li> </ul> <p><b>Yêu cầu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO 9001 và 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tuy nhiên tối thiểu không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.</li> <li>- Thiết bị được hiệu chuẩn sau khi bàn giao, lắp đặt. Định kỳ thực hiện bảo dưỡng, bảo trì trong thời gian bảo hành tối thiểu 06 tháng/1 lần.</li> <li>- Nguồn điện: 220 V, 50/60 Hz.</li> <li>- Nhiệt độ môi trường: 5-400C.</li> <li>- Độ ẩm: Tối đa 80% rh, không ngưng tụ.</li> </ul>
7.	Máy li tâm lạnh	Cái	1	<p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Máy chính Universal 320R (Cat.No: 1406):</li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<p>01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Rotor văng 4 vị trí (Cat.No: 1624): 01 cái</li> <li>+ Tốc độ ly tâm: 4,000 vòng/phút</li> <li>+ Lực ly tâm tối đa: 2,665 RCF</li> <li>· Adapter (Cat.No: 1370): 04 cái. Sử dụng cho ống ly tâm 5ml. Tổng cộng 20 ống/1 lần li tâm.</li> <li>· Adapter (Cat.No: 1372): 04 cái. Sử dụng cho ống ly tâm 5ml. Tổng cộng 68 ống/1 lần li tâm.</li> <li>· Adapter (Cat.No: 1742): 04 cái. Sử dụng cho ống ly tâm 15ml đáy tròn. Tổng cộng 28 ống/1 lần li tâm.</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Vỏ máy bằng kim loại.</li> <li>· Nắp máy bằng kim loại.</li> <li>· Có cổng quan sát.</li> <li>· Khóa nắp và giữ nắp khi hoạt động.</li> <li>· Khóa nắp bằng điện.</li> <li>· Bảo vệ nắp rơi.</li> <li>· Mở khóa trong trường hợp khẩn cấp.</li> <li>· Lòng máy: Bằng thép không gỉ.</li> <li>· Nhiệt độ từ -20°C đến +40°C.</li> <li>· Tự động nhận diện rotor.</li> <li>· Động cơ không chổi than.</li> <li>· Bảng điều khiển dạng N Plus. Màn hình LCD hiển thị hoạt động của máy, gồm hiển thị chương trình. Nhiệt độ. Tốc độ quay, lực li tâm. Thời gian chạy có phút và giây.</li> <li>· Có chế độ chuyển hiển thị vòng quay/phút (RPM) sang lực li tâm (RCF).</li> <li>· Có chế độ làm lạnh trước buồng li tâm đến nhiệt độ yêu cầu.</li> <li>· Bộ nhớ có thể lưu trữ 10 chương trình hoạt động.</li> <li>· Hiển thị lỗi trên màn hình.</li> <li>· Phát hiện mất cân bằng.</li> <li>· Nguồn điện: 220VAC/50Hz.</li> <li>· Công suất: 800 VA.</li> </ul>



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>· Phát thải, miễn dịch: EN/IEC 61326-1, class B.</li> <li>· Nhiệt độ: -20°C đến + 40°C.</li> <li>· Tốc độ li tâm: <math>\geq 16000</math> (vòng/phút).</li> <li>· Lực li tâm: <math>\geq 24,900</math> (RCF).</li> </ul> <p><b>Yêu cầu khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở lại.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO 9001 và 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tuy nhiên tối thiểu không ít hơn 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.</li> <li>- Thiết bị được hiệu chuẩn sau khi bàn giao, lắp đặt. Định kỳ thực hiện bảo dưỡng, bảo trì trong thời gian bảo hành tối thiểu 06 tháng/1 lần.</li> <li>- Nguồn điện: 220 V, 50/60 Hz.</li> <li>- Nhiệt độ môi trường: 5-40°C.</li> <li>- Độ ẩm: Tối đa 80% rh, không ngưng tụ.</li> </ul>



**PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ**

(Kèm theo thông báo số 22 /TB-KSBT ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình)

**TÊN CÔNG TY:****Số:.....****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****BÁO GIÁ****Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình**

Công ty..... có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh...được cấp bởi...

Trên cơ sở thông báo mời báo giá ngày.....tháng....năm.....của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình và khả năng cung ứng của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Cơ quan Báo giá các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

<i>Danh mục thiết bị y tế<sup>(2)</sup></i>	<i>Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất<sup>(3)</sup></i>	<i>Mã HS<sup>(4)</sup></i>	<i>Năm sản xuất<sup>(5)</sup></i>	<i>Xuất xứ<sup>(6)</sup></i>	<i>Quy cách đóng gói</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng/ khối lượng<sup>(7)</sup></i>	<i>Đơn giá<sup>(8)</sup> (VND)</i>	<i>Chi phí cho các dịch vụ liên quan<sup>(9)</sup> (VND)</i>	<i>Thuế, phí, lệ phí (nếu có)<sup>(10)</sup> (VND)</i>	<i>Thành tiền<sup>(11)</sup> (VND)</i>
Hàng hóa A											
Hàng hóa B											
...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))